

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA

QUYỂN HẠ

Thứ hai là nói về Quán: Lại chia làm hai: Một. Kết thúc cảnh của Thế Âm; Hai là nói về trí của năng quán.

Kết thúc cảnh thì chia làm sáu:

1. Kết tóm mười pháp giới là cảnh của nhân duyên;
2. Cảnh bốn đế.
3. Cảnh ba đế.
4. Cảnh hai đế.
5. Cảnh một đế.
6. Cảnh vô đế.

Ở đây vốn xuất xứ từ Đại Bản Huyền Nghĩa. Hai là nói về quán trí: Dựa sát cảnh nói về trí làm ra năm lần nói về quán trí. Ngay nơi nhân duyên thì bốn lần nhân duyên nói về quán, bốn đế cũng có bốn lần nói về quán, ba đế có hai lần nói về quán, hai đế có bảy lần nói về quán, một thật đế thì một lần nói về quán, vô đế thì vô quán. Các nghĩa như vậy có đủ nơi Đại Bản. Nay dựa theo ba đế nói về quán. Nếu luận chung mười pháp giới đều là pháp do nhân duyên sanh, nhân duyên này tức là Không - tức là Giả - tức là Trung. Tức không là Chân đế - tức Giả là Tục đế - tức Trung là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu tách riêng mà luận thì sáu đường là pháp nhân duyên sanh, cõi Nhị thừa là Không - cõi Bồ-tát là Giả - cõi Phật là Trung. Nói về cảnh thì có hai ý, nay đối với cảnh nói về quán cũng là hai ý: Một là Thứ lớp ba quán; Hai - Một tâm ba quán. Thứ lớp: Như kinh Anh Lạc chép: “Từ Giả đi vào Không gọi là Nhị đế quán, từ Không đi vào Giả gọi là quán Bình đẳng, hai quán làm phương tiện được đi vào Trung đạo đệ nhất nghĩa đế”. Ba quán này chính là ba trí nói ở kinh Đại Phẩm: Một là Nhất-thiết-trí, biết tất cả nội pháp - nội danh - tất cả có thể biết, có thể hiểu, tất cả các pháp ngoài - danh ngoài - có thể biết, có thể hiểu, nhưng không thể dùng tất cả đạo khởi tất cả loại, cho nên gọi là Nhất-thiết-trí. Hai - Đạo chủng trí, có thể biết rõ tất cả các đạo chủng sai khác tức phân biệt giả danh không

sai lầm, cho nên gọi là Đạo chủng trí. Ba - Nhất-thiết-chủng-trí, có thể đối với một chủng trí biết tất cả các đạo - biết tất cả các loại. Một tướng vắng lặng - tướng các thứ hành so sánh có thể biết có thể hiểu, gọi là Nhất-thiết-chủng-trí. Nói nói về quán trí là tên gọi khác, riêng khác mà hướng tới từng phần khi ở Nhân thì gọi là Quán khi ở Quả thì gọi là Trí. Ba quán trí này tức là bốn loại mười hai nhân duyên quán trong Đại Kinh, hạ, trung, thượng - thượng thượng, Niết-bàn nổi thông chọn lấy Chiết pháp nói về bốn quán. Đại Phẩm - Anh Lạc trực tiếp dựa vào Ma-ha Diễn chỉ nói về ba quán - ba trí. Nay nếu khai thông hai kinh hợp lại với Niết-bàn, thì phải khai bày phát triển pháp từ Giả đi vào không quán sát sanh diệt Nhất-thiết-trí. Nếu hợp lại với Niết-bàn chính là hai kinh, hợp lại hai quán hạ - trung cùng với Nhất-thiết-trí. Nếu đem ba kinh hoặc khai triển hoặc hợp lại đối với năm nhân thì thiên nhân - nhục nhân soi chiếu sự việc thô tế đều là trí thế gian, tất cả là cảnh căn bản của các quán. Nếu ba quán ba trí từ đây liền đi vào Thể pháp Nhất-thiết-trí. Nếu bốn quán bốn trí này liền nhập vào pháp Nhất-thiết-trí cho nên nhục nhân thiên nhân làm gốc. Nếu đi vào Nhất-thiết-trí đối với tuệ nhãn - đạo chủng trí đối với pháp nhãn, nhất thiết chủng trí đối với Phật nhãn. Một câu kệ “Pháp do nhân duyên sanh” trong Trung Luận làm gốc của quán trí, ba câu đối với ba trí. Nếu đem ba quán trí đối với bốn giáo, thì phải khai triển như trước kia. Nếu đem bốn quán của Niết-bàn đối với bốn giáo thì hạ trí là sanh diệt Nhất-thiết-trí đối với giáo Ba tạng, trung trí là Thể pháp Nhất-thiết-trí đối với Thông giáo, Thượng trí tức là Đạo chủng trí đối với Biệt giáo, thượng thượng trí tức là Nhất-thiết-chủng-trí đối với Viên giáo. Sở dĩ phải nói ba quán, sao bỗng nhiên đối với bốn giáo ấy là sao? Nếu không có Giáo. tức là không có Quán, vâng theo giáo tu quán được thành tựu đối với trí, cho nên nói về Giáo. Giáo tất nhiên có người làm chủ, có người làm chủ chính là Phật, hoặc có thể một Đức Phật nói ra bốn giáo, hoặc có thể chỉ ra bốn tướng nói về bốn vị Phật. Bốn giáo đã có bốn người chủ tức là phải có bốn vị Bồ Xứ, chính là bốn loại Bồ-tát giúp đỡ Phật mở rộng bốn giáo này. Nếu nói tướng vắng lặng của các pháp không thể dùng lời nói ra, Đại Kinh chép: “Sanh sanh không thể nói cho đến bất - bất sanh cũng không thể nói ra”. Một giáo hãy còn không thể nói ra vì sao nói có bốn giáo? Đáp: Lý luận thực sự như vậy đều không thể nói ra, nhưng đến duyên lợi ích mọi vật có nhân duyên cho nên cũng có thể nói được, không những sanh sanh có thể nói ra mà thậm chí bất sanh bất sanh cũng có thể nói ra, dùng Giáo môn của Phật để thoát khổ sanh tử.

Giáo Ba tạng: Như trong Thích Luận trích dẫn Ca chiên diên Tử nói về nghĩa Bồ-tát; Đức Thích-ca ban đầu làm thợ gốm nhân dịp xưa kia phát nguyện trước Phật Thích-ca, từ đó đến nay mới phát tâm Bồ-tát, chính là người thực hành, cầu mong Bồ-đề thì gọi là pháp, rất chán ghét khổ tập - ưa cầu mong diệt đạo, liền phát khởi tâm từ bi thể độ thoát tất cả, thực hành hạnh sáu độ, hạnh nguyện giúp đỡ lẫn nhau dứt trừ khổ đau đem lại niềm vui. Vì sao như vậy? Vì keo sển tham gọi là Tập - rơi vào nợ quĩ gọi là khổ, thực hành bố thí gọi là Đạo - keo sển tên dừng lại gọi là Diệt. Bồ-tát tự mình điều phục xan tham dùng tâm bi xông ướp mọi vật, chúng sanh xứng danh liền có thể thoát khỏi khổ đau; tự thực hành bố thí cứu giúp dùng tâm từ xông ướp mọi vật, vật thuận theo có thể cứu độ thì có thể thị hiện khiến cho được an vui. Nên biết rằng vì đầy đủ thế nguyện rộng lớn mà tu hạnh bố thí. Cho nên ngu si gọi là Tập, sanh ở cõi trời gọi là khổ, tu trí tuệ gọi là Đạo - si mê - khuất phục gọi là Diệt. Tu trí tuệ qua một thời gian tự phá tan khổ tập để thành tựu tâm từ đem xông ướp cho chúng sanh, chúng sanh xứng danh liền được giải thoát, tự chứng đạt đạo diệt để thành tựu tâm từ đem xông ướp chúng sanh, chúng sanh có cơ cảm ứng được cứu độ. Vì vậy biết hạnh bổ sung cho nguyện. Thực hành lục độ này đều nói về thời gian, Thi-tỳ thay cho bờ câu là bố thí tròn đầy, Tu-ma-đê không nói dối là giới luật tròn đầy, vua Ca Lợi cắt đứt không lay động là nhẫn nhục trọn vẹn, đại thí biểu đạt rộng lớn là tinh tiến tròn đầy, tôn sùng xà lê ngồi thiền là thiền định tròn đầy, Cù Toản đại thân phân chia đất đai là Bát-nhã tròn đầy. Như vậy tư hành đến A-tăng-kỳ kiếp đầu tiên, không biết thành Phật - không thành Phật, tăng kỳ thứ hai tâm biết thành Phật - miệng không nói thành Phật, tăng kỳ thứ ba tâm biết miệng nói. Qua ba-tăng-kỳ rồi lại trăm kiếp gieo trồng tướng. Trăm phước bình thường sử dụng ba ngàn hai trăm phước tu thành, ba mươi hai tướng Đại Nhân lúc này mới gọi là Đại Bồ-tát, nhưng phục hoặc không dứt, như dê không mỡ béo, chọn lấy trí thế gian làm Bát-nhã chính là ý này. Sử dụng hạnh Bồ-tát này đối với hành vị Thanh-văn ấy, tăng kỳ đầu tiên có thể đối với niệm xứ thông - biệt, tăng-kỳ thứ hai có thể đối với noãn pháp, tăng kỳ thứ ba có thể đối với đảnh pháp, trăm kiếp gieo trồng tướng có thể đối với nhẫn pháp, lúc ngồi nơi đạo tràng có thể đối với Thế đệ nhất, ba mươi bốn tâm đoạn kết thành Phật, chính là đối với mười sáu tâm phát chân cho đến chín giải thoát về học. Bảy giờ ngồi nơi đạo tràng trên ba mươi bốn tâm dứt hoặc, chánh tập đều dứt sạch gọi là Phật Ba Tạng, cho nên Đức Thích-ca tinh tiến - đệ tử thuần thực.

Vì tinh tiến cho nên vượt trước chín kiếp mà tám tướng thành Phật. Đây chính là giáo môn đã nói của giáo Chủ Ba tạng. Địa vị Bồ xứ trong đây còn trăm kiếp, gieo trồng tướng - điều phục hoặc - trụ ở thân sau cùng. Thực hành thành tựu lục độ thệ nguyện sắp đầy đủ, từ bi xông ướp đối với chúng sanh dứt trừ khổ não ban cho niềm vui. Nếu ngay nơi cách giải thích này, chỉ là pháp nhân duyên sanh - trí thế gian nói về Quán chính là nghĩa Quán Thế Âm theo giáo Ba tạng.

Hỏi: Dựa vào Tam Tạng nói Thích-ca - Di-lặc phát tâm cùng một lúc, một vị vượt trên chín kiếp, vì sao hai vị Phật cùng thành Phật trong kiếp Hiền?

Đáp: Đức Thích-ca gặp được Phát Sa thúc đẩy trăm kiếp; Di-lặc gặp được chư Phật vì sao không thúc đẩy làm chín mươi mốt kiếp ư? Nếu vậy thì không có nghĩa trăm kiếp? Đáp: Đảm nhiệm pháp môn này thì có trăm kiếp, dùng năng lực tinh tiến thì siêu vượt lên.

Trong Thông giáo, như Đại Phẩm nói: “Người ba thừa đồng lấy Đệ nhất nghĩa để nói đạo không bằng lời, dứt trừ phiền não nhập vào Niết-bàn, cộng duyên một lý sử dụng quán dứt trừ hoặc chướng thông suốt, cũng gọi là cộng Bát-nhã giáo”. Việc này khác so với giáo Ba tạng. Thích Luận phá bỏ rằng: “Chẳng lẽ dùng tâm bất tịnh tu hạnh Bồ-tát, như đồ dùng độc hại chứa đựng thức ăn, ăn vào thì chết người. Bồ thí có thượng - trung - hạ gọi là xả bỏ tài vật thân mạng. Dũng sĩ liệt nữ cũng có thể xả thân, đâu được xả bậc trung gọi là bồ thí đầy đủ, bồ thí bậc trung chỉ gọi là Thí chẳng phải Ba-la-mật không thấy tài vật - năng - sở cả ba việc đều vắng lặng chẳng phải keo kiệt chẳng phải thí giúp, đây là chân thật bồ thí Ba-la-mật cho đến chẳng phải ngu chẳng phải trí - chẳng mê đắm không tuệ, gọi là chân thật Bát-nhã không chấp lấy thế trí”.

Luận chép: “Nếu chẳng tin không tất cả đều trái ngược, nên biết những gì ông đã tu đều không tương ứng với lý. Nếu tin các pháp Không, tất cả có tạo ra, vì Không cho nên có thể thành tựu tất cả các pháp, vì thế biết nếu đạt được tuệ Không thì có thể đầy đủ tất cả pháp”. Lại, Bồ-tát tu hành vô lượng kiếp, đâu chỉ là ba A-tăng-kỳ, những điều như vậy để phá bỏ lỗi giáo Ba tạng, để nói lên ý của Thông giáo trong Đại thừa. Kinh Đại Phẩm chép: “Bồ-tát phát tâm tương ứng với Tát-bà-nhã”. Đây chính là quán sát nhưn dứt trừ kết tương ứng với lý. Từ lúc phát tâm đến nay tức quán sát nhân dứt trừ kiết thì gọi là Bồ-tát, tức là mượn người (giả nhân) vậy, còn quán sát chân chính là pháp. Thường khởi chung với từ bi, tự dứt khổ tập tu đạo diệt, cũng lấy từ bi thệ nguyện dứt khổ tập

cho tất cả chúng sanh và đạo diệt, thể hội thấu suốt các pháp như huyền như hóa không sanh không diệt, cả ba sự việc đều mất để thực hành bố thí, cho đến tất cả pháp không còn đấm trước gọi là Bát-nhã. Dùng các hạnh này bổ sung cho nguyện, thì có thể phá trừ bốn trụ hoặc, thấy đệ nhất nghĩa, thì có ba thừa và mười địa, đó là Càn tuệ cho đến Phật địa. Nếu so sánh mười địa này với Thanh-văn thì Địa Càn Tuệ đối với niêm xứ chung riêng, Tánh Địa đối với vị trí bốn thiện căn, địa tám Nhân đối với tám Nhẫn, Kiến Địa đối với Sơ quả, Bạc Địa đối với nhị quả, Địa Ly Dục đối với tam quả, Dĩ Biện Địa đối với tứ quả, Địa Chi Phật tự đối với vị trí Chi Phật, địa Bồ-tát bản thân vượt ra giả phương tiện, đạo - quán cả hai trôi lăn đoạn chánh tập tiến dần đến Phật địa là hết. Vì vậy Luận chép: “Người này không còn phiền não nhưng tập khí không hết, vì thế nguyện giúp đỡ tập lại sanh vào ba cõi, lợi ích chúng sanh tịnh cõi nước Phật, há giống như Bồ-tát Tam tạng điều phục hoặc thực hành hạnh lục độ hay sao?” Bồ-tát này tu hành đoạn hoặc còn sót lại chưa hết, giống như khối nhỏ, từ bi thị hiện trong năm đường cứu độ mỗi vật, chúng sinh hoặc xưng gọi danh hiệu hoặc cảm ứng thấy, liền có thể dứt trừ khổ não ban cho niềm vui giải thoát được cứu độ, đây là Thông giáo thể hội Giả để đi vào quán Không, cũng gọi là Nhất-thiết-trí, tức là nghĩa Quán Thế Âm của Thông giáo.

Biệt giáo tách biệt khác với Thông giáo. Biệt giáo trình bày Bất công Bát-nhã cho nên nói là Biệt. Ví như Giáo tuy nói về Trung đạo mà vì người độn căn phương tiện nói về Trung, lần lượt hiển rõ lý trình bày rộng khắp trải qua nhiều kiếp tu hành, cho nên kinh Đại Phẩm chép: “Có Bồ-tát từ lúc ban đầu phát tâm du ký thân thông thanh tịnh cõi nước Phật, lần lượt tu tập hằng sa pháp môn giúp hiển bày lý Trung đạo, trước đây lùi bốn trụ hoặc kế là phá bỏ trần sa hoặc sau đó phá trừ hoặc vô minh”. Thập Tín chung điều phục các hoặc mà chính là điều phục bốn trụ hoặc, Thập Trú cũng là chung điều phục các hoặc, mà chính thức dứt trừ bốn trụ hoặc thành tựu Nhất-thiết-trí, Thập Hạnh vượt ra Giả dứt vô tri, thành tựu đạo chủng trí bao gồm điều phục hoặc trần sa bên ngoài giới, Thập Hồi Hưởng dứt trừ hoặc trần sa bên ngoài giới, thành tựu đạo chủng trí chính thức tu Trung đạo điều phục vô minh, Thập Địa dứt trừ vô minh, thấy Phật tánh, thành tựu nhất thiết chủng trí, giống như đốt vàng trước loại bỏ tạp chất sau đó đun chảy vàng, lần lượt dứt trừ kết hoặc cũng giống như vậy. Bồ-tát này phát tâm nắm giữ pháp tu hạnh từ bi, tự dứt trừ vô minh thành tựu chân ứng, đại thệ từ bi xông ướp ở pháp giới. Chúng sanh có cảm thì dứt trừ khổ não ban cho niềm

vui. Đây là từ Không nêu ra Giả quán đạo chủng trí, là nghĩa Quán Thế Âm của Biệt giáo.

Viên giáo ấy là, đích thực hiển bày Trung đạo này ngăn dứt hai bên, quán sát chúng sanh mười pháp giới chẳng phải Không - chẳng phải Giả - chẳng phải trong - chẳng phải ngoài, như cảnh tượng trong gương - trắng đáy nước, không ở trong - không ở ngoài, chẳng thể nói là có - chẳng thể nói là không, suy cho cùng chẳng phải thật mà lý ba đế rõ ràng đầy đủ, ở trong một tâm không có trước - không có sau, chính là một mà luận thành ba, chính là ba mà luận thành một, quán trí đã như vậy thì đế lý cũng như thế, một đế tức là ba đế, ba đế tức là một đế. Kinh Đại phẩm chép: “Có Bồ-tát từ lúc đầu phát tâm liền ngồi nơi đạo tràng xoay bánh xe pháp độ chúng sanh, tức là ở nơi sơ tâm có đủ tất cả Phật pháp quán xét ba đế, từ bi vô duyên ở trong một tâm vốn có tu muôn hạnh các Ba-la-mật”. Đi vào Thập Tín Thiết luận rồi có thể lâu dài tách biệt biển khổ luân hồi, bốn trụ hoặc hết sáu căn thanh tịnh gọi là tương tự giải, tiến lên đi vào Thập trú Đồng luân sơ tâm lập tức phá trừ vô minh, khai phát thật tướng ba trí hiện rõ phía trước, đạt được một thân Như-lai thì vô lượng thân vắng lặng thích ứng tất cả, tức là khai bày tri kiến Phật, thị, ngộ, nhập... Văn chép: “Chính là bỏ ngay phương tiện chi nói về Vô thượng đạo”. Lại chép: “Nay sẽ vì ông nói sự việc chân thật nhất”. Tức là một thật đế ba quán ở trong một tâm Viên giáo. Kinh Đại Phẩm chép: “Nếu nghe phần chữ A thì hiểu rõ tất cả các nghĩa”. Đại Kinh chép: “Phát tâm, cuối cùng hai chẳng khác nhau - Hai tâm như vậy tâm trước khó hơn, vì thế cho nên kính lễ sơ phát tâm, chính là nghĩa này vậy”. Tri kiến trong này chỉ gọi là Phật tri - Phật kiến, tức là Nhất-thiết-chủng-trí biết - Phật nhãn nhìn thấy. Phật nhãn nhìn thấy - Phật trí biết rõ, chẳng phải không thể soi chiếu rõ ràng pháp khác, vì từ nghĩa thù thắng được tên gọi, ví như các dòng chảy đổ ra biển mất đi tên gọi vốn có. Đại Luận chép: “Mười trí hòa nhập trí như thật không trở lại tên gọi vốn có, chỉ gọi là Như thật trí, nhãn cũng như vậy, năm nhãn đầy đủ thành tựu Bồ-đề, mà nay chỉ gọi là Phật nhãn”, Đại Kinh chép: “Người học Đại thừa tuy có nhục nhãn gọi là Phật nhãn”, nếu căn cứ theo đây thì người học Tiểu thừa, tuy có tuệ nhãn mà gọi là nhục nhãn. Nếu hiểu rõ như vậy thì gọi là người - pháp Viên giáo, dựa theo tứ đế Vô tác phát khởi Từ bi vô duyên, tu định tuệ không hai thành tựu hai thân chân ứng, chân khắp cả pháp giới - Dực Châu thích ứng rộng khắp tất cả, ngang dọc khiến cho cơ nghi được hai lợi ích ngầm kín và hiển rõ. Vì không thiếu Bảo tạng Kim Cang Bát-nhã, trừ bỏ căn bản rất

ráo giải thoát. Dùng Thủ lãng nghiêm pháp giới kiện tướng ban cho ba điểm Niết-bàn đại tư tại lạc, gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán nhất thiết chủng trí, là nghĩa Quán Thế Âm của Viên giáo.

Hỏi: Quán này quán sát chúng sanh chẳng phải không - chẳng phải có, sao nói thực hành từ bi?

Đáp: Như trong Tịnh Danh giải thích.

Hỏi: Nếu quán mười pháp giới chẳng phải Không - chẳng phải Giả, tức là phá bỏ tất cả nhân quả ư?

Đáp: Nếu không trình bày Trung đạo thì không nhận biết chẳng phải quyền - chẳng phải thật, cũng không có quyền - không có thật thì không có bốn lần nhân quả. Nếu nói Trung đạo thì quyền thật cùng soi chiếu, có thể có ba loại quyền bốn đế khổ tập nhân quả - ba loại đạo diệt nhân quả, cho đến một chân thật tứ đế Vô tác nhân quả thế gian xuất thế gian, rõ ràng đầy đủ ở trong một niệm tâm. Vì sao? Vì dùng tuệ Thật tướng giác ngộ rõ ràng các pháp chẳng phải không - chẳng phải có, cho nên gọi là Phật bảo. Vốn giác ngộ lý pháp tánh đầy đủ ba đế, tức là Pháp bảo. Như vậy giác tuệ hòa hợp cùng với lý sự gọi là Tăng của bảo. Sự hòa hợp thì có Hiền Thánh Tăng ba giáo trước, hòa hợp với lý thì có bốn mươi hai Hiền Thánh Tăng của Viên giáo. Do đó Đại Kinh nói ánh sáng thêm bớt mà nêu ra hai thí dụ, mười ngày trước dựa theo ánh sáng nói về thêm, mười lăm ngày sau dựa vào ánh sáng nói về bớt, mà tánh trăng đó thật ra không khuyết hay tròn, trước sau hướng về nhìn thấy chẳng thể không tròn hay khuyết. Tánh trăng tròn đầy ấy là dụ cho Thật tướng, ánh sáng thêm bớt để dụ cho Trí - Đoạn. Ánh sáng trí tuệ tăng lên ấy tức là các pháp không sanh ra mà Bát-nhã sanh, ánh sáng của đoạn giảm đi ấy tức là các pháp không diệt đi mà phiền não diệt. Đại Kinh cũng gọi vô minh là minh, cho nên biết dùng thí dụ ánh sáng không chính đáng diệt đi, thêm bớt như vậy ngày ngày luôn có, trí - đoạn như vậy từng Địa từng Địa đều đầy đủ. Nếu ngày mười lăm Thế tròn đầy ánh sáng đủ, thì mặt trăng, ánh sáng không tròn đầy thêm nữa. Đây là dụ cho lý Trung đạo cao nhất - trí Bồ-đề hoàn toàn. Do đó nói không sanh - không sanh gọi là Đại Niết-bàn. Nếu ngày ba mươi Thế không còn - ánh sáng mất cuối cùng không còn lại gì, đây là dụ cho vô minh đã xua đuổi - tà đảo vắng lặng trừ bỏ không có hoặc nào đáng đoạn. Cho nên nói không diệt - không diệt gọi là Đại Niết-bàn. Trăng ba ngày đầu dụ cho ba mươi tâm trí - đoạn, trăng mười ngày kế là dụ cho -Thập Địa trí đoạn trăng ngày mười bốn dụ cho Đẳng Giác trí đoạn ngày mười lăm dụ cho Diệu Giác trí đoạn Bát-nhã hàng Nhân vương

- Thiên vương lấy ngày mười bốn dụ cho mười bốn Bát-nhã, chính là ý này. Như vậy trình bày về trí - đoạn Tăng Bảo đều dựa theo một pháp thật tướng Trung đạo, tất cả nhân quả không hề phá bỏ đánh mất điều gì. Nếu không nói về Trung đạo chẳng phải Không - chẳng phải Giả mà chỉ suy nghĩ đến đoạn - thường... tức là phá bỏ nhân quả thế gian - xuất thế gian của bốn đế sanh diệt, phá bỏ Tam bảo của giáo Ba tạng. Nếu chỉ nói về sanh diệt vô thường, tức là phá bỏ bốn đế vô sanh Tam bảo của Thông giáo. Nếu chỉ nói Thể pháp không sanh không diệt chân đế, tức là phá bỏ bốn đế vô lượng Tam bảo của Biệt giáo. Nếu chỉ nói thứ lớp hiển bày chẳng phải Không - chẳng phải Giả, đây cũng phá bỏ nhất thể Tam bảo Tứ đế vô tác Viên giáo: Từng bước truyền tiếp, trước thì phá lỗi nhiều, sau càng ít dần, ý có thể hiểu vậy. Hỏi: Nếu tu đầy đủ thật tướng một pháp ba đế - một tâm ba quán đầy đủ các pháp thì cũng nên một giáo bốn, giải thích xứng hợp ở Viên giáo tức đầy đủ, đâu cần bốn giáo như trước phân chia? Đáp: Ở trên khai triển trật tự chép: Lần lượt ba quán, một tâm ba quán, nói giáo cũng hai, nếu một giáo giải thích trọn vẹn tất cả các pháp ấy là đi đến người lợi căn, hoặc bốn giáo sai khác thì lưu lại cho người độn căn. Nếu không mượn dần dần phân biệt viên đốn thì nhờ đâu có thêm hiểu rõ? Sử dụng riêng khác hiển bày trọn vẹn cho nên trước nói về bốn giáo. Tuy nói nhiều thứ đạo mà thật ra là một thừa. Lại ở trong pháp sâu xa khác của Như-lai nêu ra giáo lợi hỷ, pháp còn lại chính là ba phương tiện dẫn dắt tìm cách khiến cho khai bày lý pháp không. Nếu hội nhập tuệ Phật thì phương tiện không có tác dụng, cho nên chép: “chỉ có một sự thật này hai điều còn lại chẳng phải chân thật”. Vì vậy biết chỉ một giáo viên đốn là đích thực quán Nhất-thiết-chủng-trí Trung đạo. Chỉ có điều này là thật Quán Thế Âm những điều khác đều là phương tiện nói ra.

Lại, nếu có những gì đã nói hoặc quyền hoặc là thật đều là phương tiện, chẳng phải quyền chẳng phải thật đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt không thể giải thích bày tỏ, không sanh - không sanh diệu ngộ khế lý mới gọi là chân, đây cũng không phải thật có tự thể.

Kế là nói về quán tâm: Nguồn tâm vốn tịnh, vô vi vô số, chẳng phải một chẳng phải hai, vô sắc vô tướng, chẳng phải lệch chẳng phải tròn, tuy là cảm giác biết rõ mà cũng không cảm giác biết được. Nếu niệm - chưa niệm bốn vận tra tìm tâm cuối cùng không thể đạt được, há có thể lần lượt hay không lần lượt quán sát thiên lệch - tròn đầy hay sao? Giống như hư không như nhau chẳng có gì sai khác. Tâm tánh này suy cho cùng là vô tâm, lúc có nhân duyên cũng có thể sáng tỏ tâm. Đã

có nói về tâm tức nghĩa là phương tiện chánh quán, giống như hư không cũng có hai thời âm dương, tâm cũng như vậy, tuy không nghiêng lệch hay tròn đầy mà cũng nói về tiệm đốn. Nếu thực hành quán tâm theo thứ lớp ấy tức là ý phương tiện dần dần vậy. Nếu quán tâm có đủ tánh đức ba đế - tánh đức ba quán và tất cả các pháp, không trước không sau - không có thứ lớp trong một niệm đầy đủ, pháp của mười pháp giới - ngàn loại tánh tướng pháp nhân duyên sanh, tức không tức Giả tức Trung, ngàn loại ba đế - vô lượng vô biên pháp thấy đều đầy đủ trong một tâm. Đây tức là không quán sát theo thứ tự. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Trong tất cả thế gian chẳng có gì không từ tâm tạo ra, tâm như họa sĩ giỏi tạo nên các loại ngũ âm”. Nếu quán tâm không thì từ tâm tạo nên tất cả đều không, nếu quán tâm là có thì từ tâm sanh ra tất cả đều có. Tâm nếu chắc chắn có thì không thể làm cho không. Nếu tâm chắc chắn là không thì không thể khiến cho có. Vì chẳng chắc chắn không - không thì chẳng phải không, vì không nhất định có - có chẳng phải có. Chẳng phải không chẳng phải có ngăn dứt cả hai bên, gọi là Trung đạo. Nếu quán tâm chẳng phải không chẳng phải có, thì tất cả từ tâm sanh ra pháp cũng chẳng phải không chẳng phải có. Tất cả các pháp ở trong một tâm đồng đều như vậy. Nếu có thể quán tâm như vậy, gọi là Thượng Thượng quán được quả Bồ-đề như chư Phật. Kinh Tịnh Danh chép: “Quán thật tướng thân - quán Phật cũng như vậy, quán thân tướng đã đồng đẳng với Phật thì quán tâm tướng cũng đồng với Phật” Hoa Nghiêm chép: “Tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không sai khác”. Nên biết rằng quán sát nguồn tâm này đồng đẳng với Như-lai. Nếu thực hành quán nào khác để quán tâm thì đều là phương tiện, gọi là tà kiến. Nếu thực hiện quán sát trọn vẹn như vậy, thì gọi là chân thật chánh quán, tức là khai bày tri kiến Phật - ngôi chỗ ngồi Như-lai, từ bi như vậy tức là đi vào nhà Như-lai, an nhẫn pháp này tức là mặc áo Như-lai, tu quán tuệ này tức là trang nghiêm Như-lai, người đó đi đứng ngồi nằm đều phải xây tháp, sanh ý nghĩ đến Như-lai. Quán tâm như vậy gọi là quán tâm Phật.

Thứ hai là nói về Phổ Môn, tức là chia làm hai: Một là chung con đường trình bày Môn, Hai. Trải qua mười nghĩa giải thích. Sáu ý chung ấy là: 1. Sơ lược bày ra tên gọi về Môn. 2. Chỉ ra tướng của Môn. 3. Nói về quyền thật. 4. Trình bày Phổ và không Phổ. 5. Dựa theo bốn Tùy. 6. Nói về quán tâm.

Bày ra tên gọi về Môn: Thông suốt thuận theo thế gian, như cửa nhà người thông suốt cho đến nhà ở sang trọng và nghèo nàn. Hạng

thấp hèn lấy mười điều ác - năm tội nghịch làm cửa thông suốt đến ba đường, hàng trong suốt lên cao lấy các thứ năm giới, mười điều thiện - bốn thiện - bốn định làm cửa, thông suốt đến trời người, ngoại đạo lấy đoạn thường làm cửa, thông suốt đến hoặc khổ, ái lấy bốn đảo làm cửa, kiến lấy bốn câu làm cửa, thiện ác tuy khác nhau nhưng nói tóm lại thì, đều là cửa hữu lậu của thế gian, thông suốt đến sanh tử như vậy. Nếu dựa theo Phật pháp nói về Môn cũng giống rất nhiều. giáo Ba tạng bốn môn thông suốt cả Niết-bàn hữu dư và vô dư, Thông giáo bốn môn gần gũi thì chung đến Hóa Thành - xa hơn thì thông đến Thường Trụ, Biệt giáo bốn môn từng bước chung đến Thường trụ, Viên giáo bốn môn nhanh chóng đến Thường trụ. Đây thì bốn giáo - mỗi giáo bốn môn - cả thấy là mười sáu giáo môn, lại có mười sáu quán môn, tất cả là ba mươi hai môn, nghĩa của Năng thông phân biệt tướng đó ở trong Đại Bản Huyền Nghĩa.

Chỉ ra tướng của Môn: giáo Ba tạng bốn môn đó là A-tỳ-đàm là Hữu Môn, Thành Thật là Không Môn, Côn-lặc vừa Không môn vừa Hữu Môn, Xa - Nặc chẳng phải không môn chẳng phải Hữu-môn, mỗi môn trình bày rộng về hành pháp phân định địa vị Hiền Thánh, căn cứ vào Môn thông suốt Lý. Thông giáo bốn Môn, đó là Hữu của như huyễn, Không của như huyễn, vừa Không vừa Hữu, chẳng phải Không chẳng phải Hữu, mỗi môn thực hiện hành tướng phân định địa vị Hiền Thánh, căn cứ vào môn thông suốt Lý. Biệt giáo bốn môn: Quán thật tánh như nhà tối và bình lọ bốn chậu tức là Hữu Môn, quán Phật tánh như hư không trên bầu trời thành Ca-tỳ-la tức là Vô môn, Quán Phật: tánh như vàng trong đá - người có phước được vật báu - người có tội nhìn thấy đá là môn vừa hữu vừa Vô; quán Phật tánh là xa hai bên tức là Trung đạo, môn chẳng phải Hữu chẳng phải Vô; mỗi thức hiện hành tướng phân định địa vị căn cứ vào Môn thông suốt Lý. Bốn Môn của Viên giáo gọi là không dị biệt chỉ một Môn tức là ba Môn, ba Môn tức là một Môn, không phải một, không phải bốn, không khác qua từng phần tách biệt, viên dung bốn của không bốn, mỗi môn phân định tướng hạnh vị không nghĩ bàn và căn cứ vào môn thông suốt Lý. Nghĩa này đều ở Đại Bản.

Nói về quyền thật các môn: Giáo quán của Tam tạng và Thông giáo, mười sáu môn năng thông - sở thông đều là quyền, giáo quán năng thông của Biệt giáo là quyền - sở thông là Thật, giáo quán tám môn năng thông sở thông của Viên giáo đều là Thật, nói đầy đủ trong Quyền Nghĩa kia.

Trình bày Phổ và không Phổ: Nếu các Môn như phạm phu - ngoại đạo - kiến - ái hãy còn không có thể thông suốt vượt ra ba cõi, hướng chi Phổ ư? Giáo Ba tạng và Thông giáo tuy thông suốt Hóa Thành cũng giống chẳng phải phổ. Biệt giáo từng bước thông suốt cũng chẳng phải nghĩa của Phổ. Chí riêng giáo quán Thật tướng của Viên giáo là pháp môn có thể khắp cả mười pháp giới, ngàn táng tướng ba đế trong một lúc thông suốt. trong một lúc trọn vẹn, thông suốt trọn vẹn Trung đạo cùng soi chiếu hai đế, một mình gọi là Phổ Môn. Lại, như trong kinh Tịnh Danh nói: Nhập không hai môn ấy. Sanh tử Niết-bàn là hai bên, không dựa vào sanh tử - không dựa vào Niết-bàn, gọi là Không hai, cũng giống chẳng phải một, tại vì sao? Đã trừ bỏ đối với hai nếu trở lại ở nơi một, một đối với chẳng phải một hãy còn trở lại thành hai, chẳng lẽ gọi là Không hai hay sao? Nay không ở hai cho nên nói không phải một - không hai, cũng gọi là không có - chẳng không có. Không có là phá bỏ Giả, chẳng phải không có là phá bỏ không. Không có là phá bỏ hai, không không có là phá bỏ một. Nếu như vậy thì nên còn lại Trung đạo. Trung đạo cũng là không. Đại kinh chép, “Minh và vô minh - tánh đó không hai, tánh không hai tức là Trung đạo”. Trung đạo đã không đối với hai bên thì không này cũng không, nên gọi là chẳng không không, gọi là chẳng thể đạt được không, đó là đi vào pháp môn không hai, tức là ý của viên giáo dựa vào Không Môn giải thích về Phổ Môn. Ba mươi mốt vị Bồ-tát đều nói pháp môn không hai, Văn thù nói ở không nói là pháp môn không hai, Tịnh danh ngâm miệng là pháp môn không hai. Tìm tòi kỹ càng văn kia đều có nghĩa của bốn môn. Đại sư Tăng Triệu chú giải rằng: “Các vị Bồ-tát nhiều lần nói pháp tướng tức là Hữu Môn, Văn thù nói ở nơi không nói - đây chính là Không Môn”. Kinh Tư Ích chép: “Tất cả pháp chánh - tất cả pháp tà, cũng là ý của Phổ Môn. Tâm đạo qua pháp giới giống như hư không, là vừa không vừa Hữu Môn. Tịnh Danh lặng yên tức là môn chẳng phải không chẳng phải Hữu Môn”. Bốn mươi hai tự Môn trong Đại Phẩm - trước là A sau cuối là Trà ở giữa có bốn mươi chữ, đều vốn có công đức các chữ, đây cũng là Phổ Môn không hai. Trước phẩm Phương Tiện chép: “Môn Trí tuệ đó khó hiểu khó vào”. Phẩm Thí dụ chép: “Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp”. Các kinh nói về Môn Thật Lý ấy, toàn bộ là ý Phổ Môn.

Tùy và quán tâm v.v... đều nói trong Đại Bản Huyền nghĩa. Hai là giải thích mười nghĩa Phổ Môn: Chí Lý chẳng phải số đếm, duyên đến lợi ích chúng sanh, hoặc thực hiện tên gọi đôi chút hoặc đến vô lượng, rộng lược tùy nghi, nhưng tạm thời lấy mười nghĩa thích hợp: 1. Từ bi

Phổ. 2. Hoàng Thệ Phổ. 3. Tu hành Phổ. 4. Đoạn hoặc Phổ. 5. Nhập pháp môn Phổ. 6. Thần thông Phổ. 7. Phương tiện Phổ. 8. Nói pháp Phổ. 9. Cúng dường chư Phật Phổ. 10. Thành tựu chúng sanh Phổ. Trên đã nói con đường Phổ Môn đã dựa theo pháp rồi. Mười Phổ Môn này đều dựa theo tu hành phước đức trang nghiêm, năm mục trước là tự hành, ba mục kế là hóa tha, hai mục sau cùng kết hợp hai ý trước. Bốn mục trước trong tự hành là tu nhân, một mục sau là trình bày quả. Tu nhân lại có hai: Hai mục đầu tiên là nguyện, hai mục sau là hạnh.

1. *Từ bi phổ*: Nói chung sự sanh khởi ấy là Bồ-tát thấy tất cả sự khổ não của chúng sanh phát khởi đại từ bi. Tâm này tuy không chính là tâm Bồ-đề mà có thể phát sinh tâm Bồ-đề, ví như đất - nước tuy chẳng phải hạt giống mà có thể làm cho nảy mầm. Nay nhân đại bi phát khởi tâm Bồ-đề cũng giống như vậy.

Kế là thệ nguyện, Nếu chỉ từ bi thì vui mừng nhiều nên lui sụt rơi rụng, trứng cá - hoa am la - Bồ-tát ban đầu phát tâm là ba việc, thời gian tu nhân nhiều và thành tựu quả đó rất ít. Vì không chắc chắn, cần phải phát khởi thệ nguyện yêu cầu kỳ hạn ràng buộc nắm giữ tâm này, chính là Bồ-đề vững chắc.

Kế đến nói về tu hành: nếu chỉ phát nguyện đối với người khác mà chưa làm lợi ích cho họ, như không có tài vật thế lực quyền mưu thì không thể dứt trừ tai nạn, Bồ-tát cũng như vậy, cần phải phước đức tài vật thần thông và trí tuệ quyền mưu, mới có thể hóa đạo. Đại kinh chép: “Trước dùng định tác động sau dùng tuệ dứt trừ”, tu hành bổ sung cho nguyện ý ở điểm này.

Kế nói dứt hoặc: Luận Thành thật nói người không ngăn ngại đạo điều phục giải thoát đạo đoạn. Nếu vậy thì tu hành là điều phục đạo làm nhân, dứt hoặc là giải thoát đạo làm quả. Nếu Tỳ-đàm nói đạo vô ngại một niệm chính là đoạn, sao có thể cho phép cùng với bảy giác chi mà có nghĩa của điều phục hoặc? Dùng đạo phương tiện điều phục đạo vô ngại đoạn giải thoát đạo chứng. Dẫn Thích Luận chép: “Trong đạo vô ngại thì hành gọi là Bồ-tát, trong đạo giải thoát thì hành gọi là Phật. Đây là dựa theo rốt ráo làm lời nói, Phật chứng Tam-muội Bồ-đề gọi là đạo giải thoát”. Nếu vậy thì tu hành là đạo phương tiện, dứt hoặc là đạo vô ngại, nhập pháp môn là đạo giải thoát, chọn lấy thứ lớp tự hành này.

Kế là nói về thần thông: Nếu muốn cảm hóa người khác thì bày tỏ ba bí mật, thần thông là bày tỏ sắc thân, phương tiện là bày tỏ ý đồng tình, nói pháp là bày tỏ miệng tùy theo âm thanh của loại đó. Đây là

thứ lớp hóa tha. Cúng dường chư Phật kết hợp với tự hành, chẳng những hoa hương hay bốn sự là cúng dường, mà còn tùy thuận tu hành là pháp cúng dường, bậc nhất trong các thứ cúng dường. Đại kinh chép: “Ông thuận theo lời ta nói tức là cúng dường Phật, vâng theo giáo pháp mà thực hành là kết hợp với tự hành, thành tựu chúng sanh là kết hợp với hóa tha”. Bồ-tát trong bốn oai nghi còn không quên chúng sanh, hướng chỉ đi vào các pháp môn thanh tịnh cõi nước Phật, đều vì thêm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sanh, cho nên một câu kết hợp với hóa tha. Kế là giải thích: Bắt đầu từ trời người cho đến các địa trên đều có từ bi, lời nói này chính là thông suốt không vượt ngoài chúng sanh, pháp duyên và vô duyên. Nếu duyên chúng sanh mà chúng sanh sai khác giả danh không giống nhau, nhân quả khổ vui có khác nhau, hãy còn không được đi vào nơi từ của pháp duyên, làm sao có thể gọi là Phổ được? Nếu Pháp duyên vô nhân - vô ngã, không có chúng sanh, từ giả để đi vào không còn chẳng được các giả danh, hướng chỉ là Phổ: Nếu vô duyên từ, không duyên với giả danh của hai mươi lăm hữu, không duyên với pháp Niết-bàn của Nhị thừa, không duyên với hai bên này, tuy không có gì duyên theo, nhưng có thể cùng soi chiếu cả không giả, dựa vào đây phát khởi từ ngữ gọi là vô duyên từ, tâm thông với ba đế gọi đó là Phổ. Giải thích riêng: Nếu tu chúng sanh duyên Từ ấy, quán Giả danh của chúng sanh một pháp giới, có thể không gọi là Phổ, nay quán Giả danh của chúng sanh mười pháp giới, mỗi giới đều có mười thứ tánh tướng như bốn mặt cứu cánh đúng... Mười pháp giới thay nhau thì có trăm pháp giới ngàn loại tánh tướng, kín đáo phục ở tâm tuy không hiện rõ trước mặt mà khác nào đầy đủ, ví như mặt người đầy đủ thì ngừng chệch ở tướng, người tầm thường không biết, Thầy tướng số khéo biết. Nay tánh tướng chúng sanh trong một tâm đầy đủ, cũng giống như vậy, người bình thường nhiều điên đảo một ít không điên đảo lý mà tình mê đủ, bậc Thánh hay biết liền nhận thức biết như Thầy tướng số kia, biết ngàn thứ tánh tướng này đều là pháp do nhân duyên sanh. Nếu là nhân duyên xấu ác sanh ra pháp, thì có tánh tướng khổ cho đến đến gốc ngọn của khổ, đã chưa giải thoát, quán sát khổ này mà khởi dậy đại bi. Nếu quán nhân duyên tốt đẹp sanh ra pháp, thì có tánh tướng vui cho đến gốc ngọn vui, quán sát điều này mà phát khởi đại từ, giải thích đầy đủ như Đại Bản. Nay dựa theo hai giới trước sau thì trung gian có thể hiểu rõ. Tánh cõi Địa ngục như vậy: Tánh gọi là không thay đổi, như trong tre trúc có tánh lửa. Nếu không có tánh đó, không cần phải cầu lửa từ tre trúc - cầu nước từ đất đai - cầu gió từ quạt. Tâm có cõi địa ngục thì tánh

cũng giống như vậy. Tướng địa ngục ấy là, thu nhận mà có thể tách biệt gọi là Tướng, người khéo quán sát tâm thì liền nhận biết tướng của địa ngục, như thầy tướng giỏi phân biệt tướng không lầm, nên gọi là tướng. Thể ấy là lấy tâm làm thể, tâm cảm nhận khổ vui cho nên lấy làm thể tướng đương. Ví như sự khác nhau của cái thoa - cái xanh, cái trâm - cái xuyên, chung quy lấy bạc làm thể chất. Sắc của sáu đường quả là khác nhau chỉ là dựa theo tâm, cho nên tâm làm Thể. Cho đến vận dụng cai quản gọi là lực, duyên theo núi đi vào lửa đều là khả năng đó. Tác là hành động gọi là Tác, đã có thể có năng lực tức là có hành động tạo ra, hoặc làm điều thiện - làm điều ác. Nhân là nghiệp là nhân, Duyên là nhờ cậy mượn làm duyên, như ái thắm nhuần nghiệp nên nhân duyên hòa hợp. Quả là tập quả, như người địa ngục đời trước nặng về dâm dục, đọa vào địa ngục vẫn dựa vào nặng về dâm dục thấy cảnh đáng yêu, thì liền hưởng về người thân kề cận gọi là tập quả. Báo là báo quả, xưa có tội dâm dục nay đọa vào địa ngục chịu khổ quay nướng, gọi là báo quả. Bản là tánh đức của pháp. Mạt là tu đạt được pháp. Cứu cánh đấng là tu được tức là đều có tánh đức, thu nhận tánh đức tức là có tu đạt được, ban đầu và sau đều có nên nói là Đấng. Mười tướng tánh của cõi địa ngục đã như vậy, thì chín giới còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Giới ấy có mười tánh tướng có thể như vậy, vì sao nói thay nhau cùng có lẫn nhau? Giới còn lại thay nhau đã khó có thể tin, vì sao nói địa ngục có tánh tướng bốn mặt của Phật?

Đáp: Đại Kinh chép: “Hễ có tâm ấy thì đều sẽ đạt được Tam-miêu Bồ-đề, như Tiên Dự giết Bà-la-môn liền có ba niêm, lại Bà tẩu nói người địa ngục Thích-ca cũng rắn hay mềm mỏng, tuy ở địa ngục mà lý của Phật tánh cuối cùng không mất”. Cho nên biết cõi địa ngục tức là có Phật tánh, Phật tướng ấy chính là tướng của tánh đức. Kinh Tịnh danh nói “Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề, bậc Thánh xem xét yên tánh như thế có thể tách biệt”. Thể ấy chính là lý thật tướng của tâm cõi địa ngục, lực là đại dụng biến đổi thông suốt mười lực của pháp tánh. Tác ý là từ vô trụ vốn lập nên tất cả các pháp, như gân sừ tử sữa sừ tử vậy. Nhân là chánh nhân, duyên là tánh đức duyên liễu, quả tức là đại quả Bát-nhã Bồ-đề, báo tức là quả của đại quả Niết-bàn, bản tức là tánh đức, mạt chính là tu đạt được, đấng ấy là tu đạt được tướng ở trong tánh đức, trong tánh đức cũng có đầy đủ đạt được tướng mạo, cho nên nói rất ráo đấng. Đại Kinh chép: “Trên núi Tuyết có Diệu Dực Vương cũng có cổ độc, một cõi địa ngục còn có đủ mười pháp tánh tướng của Quả Phật, huống chi cõi khác ư? Địa ngục cùng có chín giới, cõi khác

cùng có cũng như vậy. Bồ-tát quán sát sâu sắc chúng sanh mười pháp giới, ngàn loại tánh tướng có đủ ở một tâm. Xa luận về cội nguồn soi chiếu cái ác của tánh đức - cái thiện của tánh đức đó, hãy còn tự nhiên yên tĩnh như thế, hướng chi không soi chiếu tu đạt được thiện ác ư? Như thấy núi Tuyết, Dược Vương - cỏ độc, vì quán sát tánh đức ác độc mà xót xa buồn đau, khởi lên tâm đại bi muốn dứt trừ nỗi khổ đó, vì quán sát tánh đức tốt lành vui vẻ mà ái niệm vui mừng, khởi lên tâm đại từ muốn ban cho niềm vui đó. Mười pháp giới này thu nhận hết tất cả chúng sanh chẳng gì không hết, duyên với giả danh chúng sanh này để tu từ, há chẳng phải chúng sanh tử Phổ hay sao?

Hỏi: Khổ sâu nặng của cõi địa ngục chưa dứt trừ, vì sao nói ban cho niềm vui?

Đáp: Một là lúc chúng sanh vào địa ngục thường khởi lên ba niệm, Bồ-tát tát nhân theo cơ hội đó lập tức ban cho sự vui sướng, cho nên nói ban cho niềm vui. Lại, Bồ-tát thường đại bi thay thế chịu khổ, khiến cho khổ đau dừng nghỉ, cõi khác khổ đau không sâu nặng nên nghĩa ban cho niềm vui có thể hiểu được.

Pháp duyên từ: Quán tánh tướng mười pháp giới tất cả thiện ác đều là hư không, mười pháp giới giả danh thì giả danh đều là không, mười pháp giới sắc thọ tưởng hành thức mà hành thức đều là không, mười pháp giới xứ sở mà xứ sở đều là không, vô ngã vô ngã sở đều không thật có, như huyễn như hóa không có gì chân thật, tướng thường vắng lặng cuối cùng trở về không, vì sao chúng sanh cố chấp suy nghĩ là thật? Vì chúng sanh không giác ngộ không biết là khổ là não, không đạt được niềm vui vô vi vắng lặng, dứt trừ khổ này của họ mà phát khởi đại bi, muốn mang lại niềm vui này cho họ cho nên phát khởi đại từ. Kinh Tịnh Danh chép: “Có thể vì chúng sanh nói ra pháp như vậy, chính là Chân Thật từ”. Nếu duyên với pháp của một pháp giới phát khởi Từ ấy thì có thể không gọi là Phổ, nay duyên với Pháp của mười pháp giới chẳng lẽ không phải là phổ hay sao? Đó gọi là Pháp duyên Từ Phổ.

Ba là Vô duyên từ: Nếu duyên với các tánh tướng sai khác về giả danh của mười pháp giới. Giả này thì chẳng phải Giả, mười pháp giới như huyễn như hóa - không thì chẳng phải không, chẳng phải giả cho nên không duyên với tánh tướng mười pháp giới, chẳng phải không cho nên không duyên với chân thật của mười pháp giới. Đã ngăn dứt hai bên này không trú, không đắm, gọi là Trung đạo, cũng không có Trung đạo để duyên thì rốt ráo thanh tịnh. Lúc quán sát như vậy tuy chẳng duyên với Không - Giả, mà tùy ý cùng chiếu soi cả hai bên, khởi từ bi

vô duyên dứt trừ khổ hai tử, mang lại niềm vui của Trung đạo. Như nam châm hút sắt, không có người bảo mà tự nhiên tương ứng, từ bi vô duyên hút cơ nghi ba để lại không sai lầm, không cần phải thể hiện ý niệm cho nên nói là Từ bi vô duyên. Hành giả bắt đầu ở địa vị phạm tục tu từ bi này, thì sẽ được vào năm phẩm đệ tử, quán sát thực hành từ bi vô duyên, tiến vào địa vị Thập tín tương tự từ bi vô duyên đi vào Thập trú, mới là phân chứng từ bi vô duyên, cho đến Đẳng giác gần cạnh cực điểm từ bi xông ướp chúng sanh, không lay động như gương sáng, không suy niệm như nam châm tùy ý hút sắt, cho nên gọi là từ bi vô duyên ba để đầy đủ gọi đó là phổ, thông suốt đến Trung đạo cho nên gọi là Môn.

2. *Hoàng thệ phổ*: Hoàng là rộng, Thệ là chế, Nguyện là yêu cầu. Vì thế cho nên lập chế cai quản tâm đó rộng ra tìm cầu pháp thù thắng, đó gọi là Hoàng thệ. Hoàng thệ là nguồn gốc thành tựu từ bi. Từ bi đã duyên với khổ vui thì Hoàng thệ cũng dựa vào bốn đế. Nếu thấy khổ đế bức bách rõ ràng hiểm độc chua xót, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa độ khiến cho độ. Nếu thấy tập đế điên đảo trôi lăn mê hoặc ràng buộc, sanh tử mê mờ lại không có bến bờ, thật đáng buồn thương, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa giải thoát khiến cho giải thoát. Đạo thanh tịnh mà chúng sanh không nhận ra, người thực hành đạo này có thể thoát ra sanh tử đến nơi an vui, muốn bày tỏ chúng sanh tồn tại ở đạo này, cho nên nói chưa an khiến cho an. Nơi phiền não dứt trừ gọi là Niết-bàn, hạt giống quả ràng buộc dứt, thu được hai Niết-bàn, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa đạt được Niết-bàn khiến cho đạt được Niết-bàn. Nhân của sanh tử khó nhận biết mà quả khổ đau dễ dàng biết được, cho nên trước là quả sau là nhân. Diệu lý Niết-bàn cần phải phương tiện hết sức, cho nên trước là nhân sau là quả. Đại Kinh chép: “không hiểu cách dùi mài, lay động thì sữa đặc còn khó đạt được huống chi lại là bơ sống đề hồ?”. Bốn ý như vậy chỉ hướng về một, chỉ vì tâm mê mở phát khởi nghiệp thì nghiệp liền chiêu cảm quả, muốn nhận biết nguồn gốc của quả thì biết biết tập nhân của quả, hạn định tâm ngưng lại nghiệp thì sanh tử lần lượt hỏng mất, điều phục phiền não gọi là Đạo, tu hành không lười nhác kiên trì nhẫn nại làm cho sáng tỏ, hạt giống quả đều dứt trừ chứng tận vô sanh, gọi là Diệt. Tuy có bốn thứ khác nhau nhưng rốt cuộc là một niệm, càng chẳng phải pháp khác, bốn đế đã như vậy thì hoàng thệ cũng như thế.

Kế là nói về Phổ và không Phổ, Nếu phạm phu đã chán ghét cõi dưới mà bám víu cõi trên, dựa vào đây lập thệ thì không gọi là Phổ. Nhị thừa thấy nhà lửa ba cõi sợ hãi điều này mà tu đạo, đây chính là

thấy phần đoạn bốn đế cũng không gọi là Phổ. Nếu Biệt giáo trước hết dựa vào phần đoạn - kế là dựa theo Biến dịch, đây cũng chẳng phải là Phổ. Nếu Bồ-tát Viên giáo ở trong một tâm soi chiếu tất cả khổ tập diệt đạo, biết khắp cả kiến ái phàm phu tức là Tập của hữu tác; nhị thừa mê đắm không tức là Tập của vô tác, nên kinh Tịnh Danh chép: “Pháp gọi là vô nhiễm, nếu nhiễm các pháp, đó gọi là nhiễm pháp, chẳng phải cầu pháp”. Lại chép: “Kết tập chưa hết, phần thịnh thì mê đắm thân, tức là hoặc của Biến dịch hoàn toàn chưa trừ diệt”. Đại Kinh nói: “Tỳ kheo các thầy đối với Đại Thừa này chưa phải chánh pháp trừ các kiết sử tức là vô tác tập cho đến thuận theo đạo pháp mà ái sanh khởi cũng là vô tác tập, đó gọi là biết khắp cả tập. Biết khắp cả khổ ấy là, vì hữu cho nên lập tức thể dẫn đến khổ báo, tập của hữu tác dẫn đến khổ phần đoạn, tập của vô tác dẫn đến khổ Biến dịch, tức là biết khổ đế. Biết khắp cả đạo diệt đối trị khổ tập, thuận theo năm giới cõi - mười điều thiện không lay động không vượt ra, bốn đế - mười hai nhân duyên của nhị thừa, thông suốt đến Niết-bàn hữu dư vô dư, Thông giáo cũng như vậy. Biệt giáo trải qua riêng khác thông suốt đến thường trụ, không thể đối với một đạo có vô lượng đạo, không gọi là Phổ đạo. Trung đạo Viên giáo chính là thật tướng, Phổ Hiền Quán chép: “Nhân Đại Thừa ấy là Thật tướng các pháp, tu như đạo này gọi nhân trọn vẹn xứng đáng là Phổ đạo. Vì vậy Niết-bàn đã đạt được chính là rốt ráo thường trụ, tất cả phiền não không bao giờ còn trừ bỏ, giống như kiếp hỏa không còn để lại tro tàn, nên gọi là Phổ diệt. Vốn quán sát bốn đế đã hoàn tất, duyên vào để phát khởi thế sao có thể không rộng khắp, cho nên gọi là Hoàng thế Phổ. Sử dụng riêng quán sát tánh đức mười pháp giới tu được thiện ác, mà phát khởi hoàng thế nói về Phổ - không Phổ, tự chỉ là một chi tiết nghĩa lớn, có khác với bốn đế nói trên cho nên tránh sử dụng thì tốt hơn!

3. *Nói về Tu hành Phổ*: Trước trình bày thứ lớp tu hành, kế là nói tu hành không thứ lớp, đầy đủ ở trong Đại Bốn Hạnh Diệu.

4. *Nói về Đoạn hoặc Phổ*: Nếu từ giả đi vào không chỉ dứt bốn trụ hoặc, phần thịnh còn đắm mê thân, chưa phải là chánh pháp trừ diệt các kiết sử, chỉ xa lìa luống dối chẳng phải giải thoát tất cả. Nếu từ Không đi vào giả chỉ dứt trừ hoặc trần sa, không dựa theo căn bản là dứt cũng không gọi là Phổ. Nếu chẳng có hai chánh quán Giả không Trung đạo như gốc rễ đã sụp đổ thì cành lá tự mất, như lật mặt đất lên thì cỏ cây đều tàn lụi, cho nên gọi là Đoạn hoặc Phổ.

5. *Nhập pháp môn Phổ*: Nhị thừa nếu đi vào một pháp môn thì

không thể đi vào hai, hướng chi là nhiều. Nếu tu trải qua hạnh riêng khác thì đẳng cấp cạn sâu khác nhau. Mình chỉ biết một pháp môn này ngoài ra không thể biết được, đây cũng chẳng phải là Phổ. Nếu nhập vào Tam-muội Vương thì tất cả đều hòa nhập trong đó, giống như nhà vua đến thì chắc chắn có quân trại đi theo, quân trại đi theo lại có quân trại tùy tùng, Tam-muội Vương cũng như vậy, nhập vào Tam-muội này thì tất cả Tam-muội đều hòa nhập trong đó, đó là ba đế Tam-muội, ba đế Tam-muội lại có vô lượng pháp môn để làm quyến thuộc, cũng đều biết hòa nhập trong Vương Tam-muội, cho nên gọi là nhập pháp môn Phổ.

6. *Thần thông Phổ*: Nếu thiên nhãn của Đại La-hán nhìn thấy thế giới đại thiên Bích Chư Phật nhìn thấy trăm cõi Phật, Bồ-tát nhìn thấy hàng sa cõi Phật, đều là tất cả hạn lượng cho nên không gọi là Phổ. Vì sao? Vì duyên theo cảnh đã hạn hẹp mà mở rộng thông suốt cũng nhỏ. Nay Bồ-tát Viên giáo duyên theo cảnh mười pháp giới mở rộng tất cả, nhìn thấy khắp cả mười pháp giới mà không giới hạn cuối cùng, ba thừa còn không biết tên gọi đó, hướng chi nhìn thấy cảnh giới đó; mắt nhìn thấy đã như vậy những thần thông khác theo đó có thể biết, trong Thần thông diệu sẽ giải thích rộng hơn.

7. *Phương tiện Phổ*: Tiến hành phương tiện là phương tiện trước của Đạo, khởi dụng phương tiện là phương tiện sau của Đạo. Nay chính là trình bày phương tiện sau của Đạo. Hoặc như nhị thừa và tiểu Bồ-tát thực hành phương tiện đi vào pháp môn, hoặc muốn giáo hóa người khác bằng vốn đạt được của họ mà phát khởi dụng cảm hóa vật, phương tiện trước sau của Đạo cùng chẳng phải Phổ. Bồ-tát Viên giáo dùng hai đế làm phương tiện, thâm nhiếp tất cả phương tiện, đi vào Trung đạo rồi soi chiếu cả hai đế, hai đế thần thông biến hóa rộng khắp mười pháp giới, mà đối với Pháp thân không có gì tổn giảm, phương tiện trước sau Đạo đều gọi là Phổ.

8. *Nói pháp Phổ*: Nhị thừa và tiểu Bồ-tát nói pháp không thể nào trong một lúc trả lời khắp cả tiếng của mọi người, lại địa phương khác nhau phong tục sai khác không thể nào khiến cho họ cùng hiểu. Đại kinh chép: “Câu-hy-la ở trong các Thanh-văn là người đứng đầu về bốn vô ngại biện, chẳng phải gọi là Bồ-tát”. Nay người Viên Giáo một âm thanh giảng nói pháp, tùy theo chủng loại được hiểu rõ, dùng một Diệu âm đầy khắp cả mười các thế giới trong phương, như đàn cầm Tu-la đến tùy theo ý người phát ra âm thanh, cho nên gọi là nói pháp, trong Nói pháp Diệu có nói rộng.

9. *Cúng dường chư Phật Phổ*: Ngay đây chia làm hai: Một là sự, Hai là lý. Kinh Hoa nghiêm chép: “Không vì cúng dường một đức Phật một cõi nước, vô lượng hằng sa chư Phật, cho đến vì cúng dường chư Phật không thể nói không thể nói hết, có thể không khởi diệt định hiện rõ các oai nghi, an thiền chấp tay khen ngợi các đấng Pháp vương, đem thân mạng tài vật và tất cả vật dụng cúng dường, cùng khắp đến mười phương, ví như mây mưa cúng dường chư Phật”. Lý giải là: Tâm chánh quán, trí tuệ viên mãn gọi là Giác, Giác nghĩa là của Phật, muôn hạnh công đức huân tu trí này - trí này gọi là nhất thiết. Tu công đức để cúng dường trí này, tức là cúng dường Nhất-thiết-trí. Kinh Tịnh Danh chép: “Đem một món ăn giúp cho tất cả”, vì thế nói là cúng dường chư Phật Phổ.

10. *Thành tựu chúng sanh Phổ*: Ví như ánh chớp đom đóm, đèn đuốc - trăng sao là ích lợi che trùm nhỏ bé ánh mặt trời soi chiếu thế gian, tất cả cây cỏ rừng rậm khắp nơi khiến cho lớn lên hoa trái thành tựu, ngoại đạo như ánh lửa đom đóm, Nhị thừa như đèn đuốc, Thông giáo như sao - Biệt giáo như trăng, nghĩa thành tựu theo trên. Nay bậc Thánh Viên giáo từ bi thêm nhiều lợi ích, hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ mà không hạn lượng. Kinh Hoa nghiêm chép: “Bồ-tát không vì một chúng sanh, một cõi nước, một phương chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề, chính là vì cõi Phật không thể nói không thể nói hết - vô lượng hằng sa cõi nước chúng sanh mà phát tâm, thành lập lợi ích trong một lúc cùng thấm nhuần”. Ví như mưa lớn cùng tuôn xuống tất cả bốn phương, nên gọi là thành tựu chúng sanh Phổ. Nghĩa của Phổ Môn đâu hạn lượng đâu biên giới đâu thể cùng tận mà hạn như Tịnh Danh không thể thọ trì! Nay Quán Thế Âm Phổ Môn này chính là đối với ba tên gọi, Quán tức là Giác, giác gọi là Phật, Thế Âm là cảnh, cảnh chính là Như, Phổ Môn tức là Chánh biến tri. Ba nghĩa này không thể cùng tận, nếu nhìn thấy ý đó thì tự nhiên nói. Chỉ dựa theo phẩm Phổ Môn tìm nghĩa mười Phổ để chứng minh thành tựu điều này. Nếu như: “Quán Âm thương mọi người trong bốn chúng nhận chuỗi anh lạc đó”. Đã nói mọi người thì không vì một người, mẫn nghĩa là bi thương, đây chính là Từ Bi Phổ. Có từ bi thì tùy ý có nghĩa Hoàng Thệ Phổ. “Dùng các thứ hình tướng đạo đến các cõi nước độ thoát chúng sanh”, tức là tịnh Phật cõi nước, há chẳng phải Tu hành Phổ hay sao? Tự mình đã không ràng buộc thường cởi mở ràng buộc cho người khác, tự mình không độc hại giúp cho người khác lìa xa độc hại, “trong một lúc xưng niệm danh hiệu điều được giải thoát,” đều là ý nói riêng mình và tất cả há chẳng phải Đoạn

hoặc Phổ hay sao? “Phổ Môn thị hiện” tức là Nhập Pháp Môn Phổ. “Lực của phương tiện” “Là Phương Tiện Phổ” “Lực thần thông ấy” tức là Thần Thông Phổ. “Mà vì đó nói pháp”, tức là nói Pháp Phổ. “Nhiều điều lợi ích” tức là thành Tựu chúng sanh Phổ “chia làm hai phần dâng lên hai đức Như-lai” tức là cúng dường chư Phật Phổ. Nghĩa ý như vậy đều ở trong văn kinh, cho nên dẫn ra để làm chứng cứ.

Thứ hai là giải thích về thể: Dùng linh trí kết hợp với pháp thân làm thể, nếu kinh khác nói về ba thân ấy, thì chỉ dùng pháp thân làm thể. Phẩm này chỉ có nghĩa về hai thân, cho nên dùng lý trì hợp lại làm thể, chỉ vì trí này chính là lý thật tướng. Vì Sao? Vì nếu không có linh trí thì thật tướng ẩn kín, gọi là Như-lai tạng. Nay biết tướng Quyền thật và lý không hai, như tên gọi trái phải. Nếu nói về nghĩa của thể thật tướng, mở rộng này thì xem trong Đại Bản Huyền Nghĩa.

Thứ ba nói về tông: lấy cảm ứng làm Tông, cơ của mười cõi hợp với tri thức của tịch chiếu, làm cho có ích lợi trước sau cảm ứng. Văn nói ích lợi tuy nhiều mà chỉ là thẳng đem sự cảm ứng đến chỗ thân nhận như giạt lưới thì mất lưới lay động, cho nên dùng cảm ứng làm Tông. Kinh khác hoặc dùng nhân quả làm Tông, phẩm này không như vậy ấy là, nói nhân quả thông suốt từ phàm phu cho đến Thượng địa, đều có nhân quả, năng cảm sở cảm đều có nhân quả, nhưng ý văn kinh dường như không nói đến điểm này. Cơ mọi người tuy có nhân quả nhưng lấy cảm làm tên gọi. Bậc Thánh tuy không nhân quả nhưng lấy ứng làm tên gọi, thì giúp cho văn nghĩa thuận tiện.

Nghĩa cảm ứng có sáu.

1. Nêu tên gọi.
2. Giải thích tướng.
3. giải thích đồng khác.
4. Nói về tương đối.
5. Nói về Phổ không Phổ.
6. Giải thích về quán tâm, đầy đủ ở đại Bản.

Hỏi: Nếu nói cơ là sắp phát sanh thiện nhỏ bé, ác nhỏ bé sắp phát sanh cũng là cơ phải không?

Đáp: Đúng thế. Hỏi: Cơ là thiện hay bất thiện? Nếu đã là thiện thì đâu cần phải cảm Thánh? Nếu không là thiện sao có thể nói thiện sắp phát sanh? Đáp: Thánh thiện ẩn nấp sâu xa giống như hoa sen ở trong bùn, bậc Thánh nếu ứng giống như mặt trời soi chiếu thì lộ ra.

Lại hỏi: Nếu nói cơ là quan hệ ấy là quan hệ thiện hay quan hệ bất thiện? Nếu đã là thiện thì đâu cần phải quan hệ với Thánh mà trở

thành thiện? Nếu chẳng phải thiện thì làm sao có thể quan hệ với Thánh mà trở thành chẳng phải thiện? Phàm Thánh rành mạch như thế đâu hề có quan hệ với nhau?

Đáp: Thiện quan hệ đối với Đại từ - ác quan hệ đối với Đại bi, cho nên nói quan hệ lẫn nhau.

Hỏi: Nếu nói là thích nghi giải thích cơ, đây chính là tùy người quán cơ cùng dùng với lời nói, đâu giải thích nghĩa của cảm?

Đáp: Nấp tròn đáy tròn thì thích hợp nhau.

Hỏi: Dùng pháp thân để ứng hay dùng ứng thân để ứng? Ứng thân vô thường vậy thì không ứng, nếu Pháp thân ứng thì chẳng phải pháp thân?

Đáp: Pháp đã nói là thân sao không nói ứng? Ứng thân đã gọi là ứng, vì sao không ứng? Cho nên cùng ứng.

Lại hỏi: Cảm ứng là một hay khác. Nếu một cảm tức là ứng thì phàm sẽ thành Thánh, nếu khác thì không liên quan với nhau?

Đáp: Không phải một không phải khác mà nói về cảm ứng.

Hỏi: Cảm ứng là hư hay thật? Nếu là thật thì phàm phu là thật, thật thì sao có thể thay đổi? Nếu nói là hư thì hư thay đổi chỗ nào?

Đáp: Vân vân. Vì người khác hỏi: bậc Thánh là sở cảm - phàm phu là năng cảm, bậc Thánh là năng ứng - phàm phu là sở ứng, sở cảm chẳng phải cảm - sở ứng chẳng phải ứng, vì sao nói đường cảm ứng giao nhau? Đáp: Sở cảm thật ra không cảm, thuận theo cảm gọi là sở cảm, nói bậc Thánh là sở cảm. Sở ứng thật ra không ứng, thuận theo ứng gọi là sở ứng, nói phàm phu là sở ứng, trở lại là cảm sở làm ứng năng, ứng năng làm cảm sở, cũng là ứng sở làm cảm năng, cảm năng làm ứng sở, đã không có thật sự của cảm ứng, cũng chẳng có khác nhau về cảm ứng. Chẳng khác nhau mà khác nhau, bậc Thánh ẩn kín sở cảm - gọi là năng ứng, phàm ẩn kín sở ứng - gọi là năng cảm cho nên nói đường cảm ứng giao nhau. Chất vấn riêng lời nói này, nếu thật sự không khác nhau về cảm ứng, nay bậc Thánh ẩn kín năng cảm - phàm ẩn kín năng ứng, sao không thể bậc Thánh ẩn kín năng ứng, phàm ẩn kín năng cảm? Nếu vậy thì chẳng có khác nhau giữa phàm bậc Thánh. Nếu không như vậy thì cảm ứng sẽ khác nhau sao nói là không khác nhau? Còn cảm năng không có thật cảm năng, mà lại gọi cảm năng sao chẳng gọi là ứng năng? Nếu ứng sở không thật sao không gọi là cảm sở? Nếu vậy thì không có phàm Thánh cảm ứng, nếu không vậy thì khác nhau sao nói là không khác nhau? Lại chất vấn nếu dùng cảm năng làm ứng chỗ sở cảm làm ứng năng, đây là nghĩa tự phát sanh. Nếu năng ứng chỉ là sở ứng

- năng cảm chỉ là sở cảm, lại là nghĩa tự phát sanh. Nếu ứng năng phát sanh ứng sở - cảm năng phát sanh cảm sở, năng cảm phát sanh sở cảm - sở cảm phát sanh năng cảm, năng ứng phát sanh sở ứng- sở ứng phát sanh năng ứng, đều là từ người khác phát sanh, chẳng lẽ không phải là nghĩa của tánh người khác hay sao? Nếu cùng phát sinh thì có hai lỗi, nếu lia cả hai thì rơi vào lỗi vô nhân.

Hỏi: Nếu vậy thì không có cảm ứng ư?

Đáp: bậc Thánh lấy pháp bình đẳng vô trú mà không trú cảm dùng bốn tất-đàn tùy cơ ứng như vậy.

Hỏi: Thiện của vọng chấp có thể cảm hay không?

Đáp: Vọng chấp là ác cũng có thể cảm.

Hỏi: Vọng chấp đã chẳng phải một - ứng cũng là hai ư?

Đáp: Ứng vốn không hai vì duyên chỗ nào mà không thực hiện.

Hỏi: Hễ gọi là bình thường kỳ quái, thiện thì làm cho vui sướng - ác thì cảm lấy khổ đau. Bậc Thánh gọi là chánh, chánh thì chẳng thiện, chẳng ác chẳng khổ chẳng vui. Sự kỳ quái của thiện ác làm sao có thể cảm đến chánh của chẳng thiện chẳng ác được?

Đáp: Chánh Thánh từ bi dứt trừ chỗ kỳ quái của thiện ác đó, khiến cho đi vào cái chánh của chẳng thiện chẳng ác, cho nên có cảm ứng.

Thứ tư là từ bi lợi vật làm dụng. Hai trí không thích hợp để dùng ư? Đáp: Nói hai trí là nói nay riêng dựa theo văn, vì ích lợi ngầm kín và rõ ràng rất nhiều, cho nên lấy điều này làm dụng như vậy. Người khác giải thích: Pháp thân lợi ích kín đáo là thường, ứng thân tạm thời phát ra trở lại ẩn kín là không thường. Nay nói: pháp thân thường vắng lặng mà thường soi chiếu lý này đương nhiên như vậy. Ứng thân khắp mọi nơi lợi ích mà chưa hề ngừng bỏ cũng là nghĩa của thường. Nếu nói có ứng không ứng cho rằng không thường ấy, thì Pháp thân cũng có ích, không có ích cho nên biết đều là thường không thường cùng có ngầm kín hiện rõ, như mặt trăng mặt trời cùng soi chiếu thì một thiếu một thừa. Như lai thường dùng hai pháp thường và không thường huân tu chúng sanh, cho nên nói hai chim cùng đi lại, mà gọi là thường không thường như vậy. giống như trồng trọt hoặc mượn gió mưa mặt trời bên ngoài - có khí đất ẩm áp tưới nhuần bên trong, mà muôn vật được lớn lên, hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ cũng giống như vậy, trong đây ứng dụng Tam-muội Vương mười lần phá trừ hai mươi lăm hữu, để giải thích về dụng của từ bi lợi ích chúng sanh, có nói đủ trong Đại Bản Huyền Nghĩa.

Hỏi: Quán Âm lợi ích cho chúng sanh rộng lớn như vậy, là đã thành Phật hay còn là Bồ-tát? Đáp: Bản địa khó biết nhưng kinh có hai

nói. Như kinh Quán Âm thọ ký chép: “Quán Âm - Thế Chí được Tam-muội như huyễn, vòng quanh qua lại mười phương để hóa độ chúng sanh. Xưa kia vào thời Kim Quang Sư Tử Du hí Như-lai - nhà vua tên là Uy Đức, hóa sanh hai người con bên trái là Bảo Ý tức Quán Âm, bên phải là Bảo Thượng tức Thế Chí, hướng về thưa hỏi đức Phật cúng dường cách nào tốt nhất? Đức Phật dạy: Nên phát tâm Bồ-đề thuận theo Như-lai bắt đầu phát tâm Bồ-đề, kế Phật A-Di-Đà về sau sẽ thành chánh giác. Quán Âm hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương, Thế Chí hiệu là Thiện Trú Công Đức Bảo Vương”. Còn kinh Như-lai tạng cũng chép: “Quán Âm, Văn-thù đều chưa thành Phật” Hoặc kinh Quán Âm Tam-muội nói” Trước đã thành Phật gọi là Chánh Pháp Minh Như-lai, Thích-ca làm đệ tử khổ hạnh của đức Phật kia”. Hai văn trái nhau nói như vậy là vì sao? Chính là bốn tất-đàn hóa độ chúng sanh, không thể cầu tìm sự thật đó.

Thứ năm là nói về giáo tướng: Nói về Quán Âm thì các kinh, bộ rất nhiều, hoặc Thỉnh Quán Thế Âm - Quán Âm Thọ Ký - Quán Âm Tam-muội - Quán Âm Sám Hối - Đại Bi Hùng Mãnh Quán Thế Âm v.v... Đều khác nhau, nay phần vốn lưu truyền ấy chính là một phẩm gồm một ngàn năm trăm ba mươi (1530) chữ trong kinh Pháp Hoa, mà bản lưu truyền riêng ấy, chính là Pháp sư Đàm Ma La Sám cũng gọi là Bồ-tát Y Ba-lặc, du hóa Thông Lĩnh tới Hà Tây, vua Hà Tây là Thợ Cừ Mông Tồn quy mạng chánh pháp, cùng có bệnh tật để bày tỏ với Pháp sư. Sư chép: “Quán Thế Âm có duyên với cõi này”, bèn khiến tụng niệm thì bệnh liền lành. Nhân vậy lưu truyền riêng một phẩm lưu thông ngoài bộ phận. Phẩm này là phần lưu thông trong kinh Pháp Hoa, đã thông suốt với giáo bổ quyền bày thật, khiến cho hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ phủ trùm ở tương lai. Dùng thân mười pháp giới cảm ứng trọn vẹn tất cả, khiến cho được giải thoát, người hoàn bị nắm giữ pháp đầy đủ lưu thông giáo pháp tròn đầy này, chính là tướng viên giáo lưu thông. Năm vị để luận bàn tức là lưu thông vị đề hồ.

Hỏi: Văn chép: “Năng lực phương tiện nhiều loại không giống nhau”, nói cũng cần phải khác nhau, sao có thể là tướng viên giáo?

Đáp: Dựa theo người năng nói làm viên, mở rộng Viên giáo hợp khắp căn cơ trong pháp giới, căn cơ tuy không giống nhau nhưng không thể khiến cho người có khả năng nắm giữ pháp tùy cơ mà đầy khắp. Ví dụ như Phật đối với một thừa chia ra nói hành ba, chẳng lẽ có thể làm cho Phật sẽ thành Thanh-văn- Duyên-giác hay sao? Lại phó chúc rằng: “Nếu người tin hiểu sâu sắc thì vì họ nói kinh này, nếu người không tin

thì đối với pháp sâu xa khác chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng” đã nhận ý chỉ của Phật trọn vẹn lưu lại muôn cơ thì nhiều loại không như nhau chỉ là lưu thông viên giáo. Lại hỏi: Người năng nói hoàn bị đối với giáo cũng trọn vẹn, người thực hành với các căn cơ khác nhau thì người này thọ theo giáo nào? Nếu thọ theo giáo nghiêng lệch thì ở vườn Nai giống như người - nếu thọ theo Viên giáo thì căn cơ cũng thích ứng? Một trả lời: Nơi vườn Nai xưa kia Phật chưa phát Bốn hiển rõ Tích, không gom ba về một, người pháp chưa trọn vẹn, thọ theo phương tiện không được gọi là Viên. Nay kinh đã bày quyền thật, tuy là nhiều loại thân mà bốn tích chỉ một không thể nghĩ bàn, tuy nói ra nhiều loại pháp nhưng vì mở bày Viên đạo, đối với nghĩa không sai lầm. Hỏi: Văn trên nói chính là thẳng thắn bỏ ngang phương tiện, trong này sao nói dùng phương tiện? Đáp: Trên chính là hiển bày thật cho nên nói xả bỏ điều đó, ở đây nói về dụng cho nên nói là thị hiện. Thể và Dụng không thể nghĩ bàn.

